TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2024/DS-ST
Ngày: 22 – 5 – 2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 4 và ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn V (V1), sinh năm 1980. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Hồng L (R), sinh năm 1973. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Hoàng V2 (H), sinh năm 1970. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Hồng N, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 10/11/2023 và Biên bản hoà giải ngày 16/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Vào năm 2017 ông Nguyễn Hoàng V2 (là anh ruột) có điện thoại nhờ vay dùm cho vợ chồng ông V2 số tiền 50.000.000 đồng để cố đất làm ăn. Do không có tiền nên vào ngày 27/6/2017 ông đã trực tiếp vay tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền vốn 50.000.000 đồng, lãi suất 0,789%/tháng. Khi vay được tiền thì ông đã đưa số tiền 50.000.000 đồng cho ông V2 và bà L trực tiếp nhận tại nhà của ông. Quá trình vay thì ông V2 là người trực tiếp đi nộp lãi đến khi ông V2 bị tai nạn giao thông không chạy xe được thì bà L có đến đưa tiền nhờ ông đi nộp 01 kỳ nhưng đến ngày 01/4/2020 thì ông V2 và bà L ngưng không nộp lãi. Nay xét thấy thời điểm vay ông V2 và bà L là vợ chồng nên yêu cầu ông V2 và bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn 50.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 01/10/2023 là 16.695.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại Biên bản hoà giải ngày 16/01/2024 bị đơn bà Huỳnh Hồng L trình bày: Bà không nhờ ông V vay tiền và cũng không nhận khoảng tiền nào từ ông V. Khoản nợ này là do ông V2 đến nhờ ông V vay bà không biết đến khi ông V2 bị tai nạn giao thông không đi được thì bà mới biết. Khi đó, ông V có gọi điện thoại đòi tiền thì bà mới biết ông V2 nhờ ông V vay tiền dùm. Lúc đó, ông V2 có nói là giấu bà tham gia chơi hụi khi hốt được thì sẽ trả cho ông V nên ông V gọi điện đòi tiền thì bà mới nói là khi hốt hụi được sẽ trả. Nên bà xác định giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà nhưng lúc đó bà chỉ là nói thay lời của ông V2. Thời điểm ông V2 nhờ ông V vay tiền thì vợ chồng bà còn chung sống với nhau nhưng kinh tế gia đình ai làm người đó sử dụng, bà mua bán nhỏ để lo cho gia đình, còn ông V2 chạy xe ôm có tiền thì ông V2 sử dụng riêng không lo cho gia đình. Nên khoản vay này ông Văn t vay và sử dụng riêng bà không biết. Nay ông V yêu cầu bà và ông V2 trả 50.000.000 đồng và lãi phát sinh, bà không đồng ý vì khoản nợ này ông Văn t vay nên phải có trách nhiệm thanh toán cho ông V không liên quan đến bà.

Tại Biên bản hoà giải ngày 16/01/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hoàng V2 trình bày: Năm 2017 ông và bà L bàn bạc có nhờ ông V vay tiền cố đất làm ăn nên ông có điện thoại cho ông V nhờ vay số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi ông V vay tiền tại Ngân hàng xong thì ông và bà L đến nhà ông V và trực tiếp nhận tiền từ ông V, việc giao nhận tiền còn có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị S, bà Trần Hồng N, bà Nguyễn Thị Ả, bà Nguyễn Mỹ L1 và bà Đặng Thị L2. Quá trình vay tiền của ông V thì bà L và mẹ vợ là bà

Trương Thị L3 cũng có đưa tiền cho ông đi nộp lãi. Sau khi vay được tiền thì không cố đất được nên vợ chồng đã sử dụng số tiền trên để vào mục đích tiêu dùng trong gia đình. Khi ông và bà L ly hôn tại Quyết định công nhận sự thoả thuận số 83/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thì không yêu cầu Toà án giải quyết nợ chung. Nay ông đồng ý cùng với bà L liên đới trách nhiệm trả cho ông V số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng.

Tại biên bản làm việc ngày 29/02/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Hồng N trình bày: Chồng bà là ông V vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện C theo hình thức vay thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng. Khi vay được tiền thì vợ chồng đã trực tiếp đưa số tiền trên cho bà L và ông V2 tại nhà bà. Do là chỗ anh em trong gia đình nên khi đưa tiền thì không có giấy tờ gì. Nay ông V yêu cầu bà L và ông V2 trả số tiền vốn 50.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng bà thống nhất và không có ý kiến gì. Nay do bận công việc nên bà yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại Công văn số 09/CV-NHNo.CN-TH ngày 04/5/2024 Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C xác định: Vào ngày 27/6/2017 ông V có thế chấp tài sản để vay vốn tại Ngân hàng với số tiền vốn 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm (khoản vay 1), ngày 09/9/2019 tất toán khoản vay 1 vay lại số tiền 50.000.000 đồng lãi suất 9,47%/năm (khoản vay 2), ngày 27/10/2022 tất toán khoản vay 2 vay lại số tiền 40.000.000 đồng lãi suất 9,80%/năm và đến ngày 21/3/2024 ông V đã trả dứt điểm khoản nợ vay tại Ngân hàng.

Tại biên bản làm việc ngày 26/02/2024 bà Trương Thị L3 trình bày: Bà là mẹ ruột bà L, ông V2 là con rể (có tên thường gọi là H). Khi vợ chồng bà L cưới nhau thì về sống bên gia đình chồng nhưng sau đó cuộc sống khó khăn nên bà có kêu vợ chồng bà L, ông H về sống cùng với bà. Khi ông H và bà L sống chung với bà thì mọi việc chi tiêu trong gia đình đều do bà chi suất. Việc ông H hay bà L có vay tiền của ông Vũ b không biết, ông H cho rằng vay tiền về để chi xài trong gia đình là không có. Vì từ khi vợ chồng ông H chung sống với bà thì ông H làm nghề chạy xe ôm có bao nhiêu tiền thì cũng sử dụng riêng cho bản thân không lo cho gia đình.

Tại biên bản làm việc ngày 29/02/2024 bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà là mẹ ruột của ông V2, ông V. Vào khoảng năm 2019 – 2020 ông V2 và bà L đến nhà gặp ông V nhận tiền và nói là nhờ ông V vay Ngân hàng dùm số tiền 50.000.000 đồng

cho ông V2, bà L mượn để cố đất. Bà có hỏi ông V tiền ở đâu mà có thì ông V nói là vay Ngân hàng dùm cho ông V2, bà L. Bà trực tiếp chứng kiến việc ông V đưa số tiền trên cho ông V2 nhận và ông V2 đưa cho bà L. Thời gian sau ông V có nhắc lại số tiền trên ông V2 và bà L có hứa cố gắng làm để trả lại tiền cho ông V nhưng đến nay ông V2 và bà L đã ly hôn nhưng vẫn chưa trả.

Tại biên bản làm việc ngày 29/02/2024 bà Đặng Thị L2 trình bày: Bà không chứng kiến việc giao nhận tiền giữa bà L, ông V2 và ông V. Bà chỉ nghe ông V nói lại là có cho ông V2, bà L mượn số tiền 50.000.000 đồng. Còn nguồn tiền ở đâu mà ông V có để cho ông V2, bà L mượn thì bà không biết.

Tại biên bản làm việc ngày 29/02/2024 bà Nguyễn Thị Ả trình bày: Bà là chị ruột của ông V2 và ông V. Bà có biết việc ông V cho ông V2 và bà L vay số tiền 50.000.000 đồng nhưng vào thời gian nào thì bà không nhớ rõ. Bà nhớ thời điểm đó tại nhà ông V thì vợ chồng ông V đưa tiền cho ông V2, bà L. Bà L là người nhận số tiền trên bà không trực tiếp chứng kiến nhưng có nghe rõ cuộc nói chuyện giữa các bên. Thời gian đó thì bà L cũng thường xuyên nói mượn số tiền trên để chi tiêu trong gia đình và lo cho con ăn học.

Tại biên bản làm việc ngày 29/02/2024 bà Nguyễn Thị L4 trình bày: Bà có biết việc ông V2, bà L đến vay tiền của ông V nhưng do ông V không có tiền nên đã vay Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng về cho ông V2, bà L mượn. Việc giao nhận tiền giữa các bên thì bà có biết nhưng không trực tiếp chứng kiến. Sau khi ông V đưa tiền cho ông V2 và bà L thì bà có gặp bà L và hỏi vay tiền làm gì thì bà L nói vay tiền về mua nền nhà nhưng không mua được.

Tại biên bản làm việc ngày 04/5/2024 ông Lê Thanh L5 trình bày: Việc mở hụi do vợ ông, bà Nguyễn Thị Thanh V3 làm chủ, hiện bà V3 đang điều trị bệnh nên không trình bày với Toà án được. Qua trao đổi thì bà V3 cho biết, trước đây ông H có tham gia hụi 2.000.000 đồng. Đến khi ông H bị tai nạn thì giữa bà V3 và ông H có thoả thuận, ông H đồng ý nhận lại phần hụi đã góp và bà V3 đã giao đủ số tiền hụi cho ông H. Sau khi nhận tiền hụi thì ông H sử dụng số tiền trên như thế nào bà V3 không biết, đối với tiền hụi giữa bà V3 và ông H không xảy ra tranh chấp.

Tại phiên tòa:

- Ông V trình bày: Do thời gian quá lâu nên ông có nhầm lẫn, trước đây tại đơn khởi kiện ông xác định thời điểm vay tại Ngân hàng là ngày 09/9/2019 nhưng chính xác vay ngày 27/6/2017. Theo hợp đồng tín dụng ngày 27/6/2017 tại Ngân hàng vay vốn 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 9,47%/năm, lãi quá hạn 14,205%/năm, đến ngày 20/5/2021 ông đã trả tiền vốn 10.000.000 đồng. Ngày 27/10/2022 ký hợp đồng

đáo hạn với tiền vốn 40.000.000 đồng, lãi trong hạn 9,8%/năm, lãi quá hạn 14,70%/năm, ngày 21/3/2024 ông đã tất toán hợp đồng với Ngân hàng. Quá trình vay từ ngày 27/6/2017 thì ông V2 nộp lãi đến 01/4/2020 thì ngưng nộp và sau đó thì ông nộp lãi cho đến ngày tất toán hợp đồng. Nay yêu cầu ông V2, bà L liên đới trả số tiền vốn 50.000.000 đồng, lãi từ ngày 01/4/2020 đến ngày 21/3/2024 với mức lãi 9,47%/năm, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bà L trình bày: Việc ông V2 vay tiền ông V bà không biết và sử dụng vào mục đích gì. Nay ông V2 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông V không liên quan đến bà.

- Ông V2 trình bày: Khi vay tiền của ông V thì vợ chồng có đến nhà ông V nhờ ông V vay tiền dùm và vợ chồng trực tiếp nhận từ vợ chồng ông V. Và số tiền vay sử dụng vào mục đích tiêu xài trong gia đình và lo cho con ăn học. Quá trình vay ông đã nộp lãi tại Ngân hàng từ ngày 27/6/2017 đến 01/4/2020 thì ngưng nộp. Do thời điểm đó ông bị tai nạn không đi được nên ông V đã nộp lãi cho đến khi tất toán hợp đồng. Nay ông đồng ý cùng với bà L trả cho ông V số tiền vốn 50.000.000 đồng, thống nhất với mức lãi 9,47%/năm từ ngày 01/4/2020 đến ngày 21/3/2024.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V buộc ông Nguyễn Hoàng V2 và bà Huỳnh Hồng L liên đới trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn V số tiền vốn 50.000.000 đồng, áp dụng mức lãi 9,47%/năm tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 21/3/2024 là 18.804.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn V khởi kiện bà Huỳnh Hồng L và ông Nguyễn Hoàng V2 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Huỳnh Hồng L và ông Nguyễn Hoàng Văn cư t1 tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Hồng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn V xác định ông Nguyễn Hoàng V2 và bà Huỳnh Hồng L đến vay tiền nhưng ông không có nên ông vay tại Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng và đã đưa số tiền trên cho ông V2, bà L nay yêu cầu ông V2, bà L liên đới trả 50.000.000 đồng và lãi phát sinh. Bà L xác định bà không nhờ ông V vay tiền và cũng không nhận khoảng tiền nào từ ông V, thời điểm ông V2 vay tiền thì vợ chồng còn chung sống nhưng kinh tế gia đình ai làm người đó sử dụng nên khoản nợ này ông Văn t vay và sử dụng riêng nên ông V2 phải có trách nhiệm thanh toán không liên quan đến bà. Ông V2 xác định vào năm 2017 vợ chồng vay của ông V 50.000.000 đồng, nay đồng ý cùng với bà L thanh toán cho ông V. Xét thấy, lời trình bày của ông V là có căn cứ, phù hợp với hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông V với Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C và việc vay tiền được ông V2 thừa nhận. Ngoài ra, tại biên bản làm việc ngày 29/02/2024 bà Nguyễn Thị L4, bà Nguyễn Thị Ả, bà Nguyễn Thị S đều xác nhận có chứng kiến việc ông V trực tiếp giao số tiền 50.000.000 đồng cho ông V2 và bà L. Bà L xác định khi ông V2 vay tiền thì bà không biết đến khi ông V2 bị tai nạn thì bà mới biết sự việc, bà xác định khi ông V2 vay vợ chồng còn chung sống nhưng kinh tế gia đình ai làm người đó sử dụng nên xác định đây là khoản nợ riêng của ông V2. Nhận thấy, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 83/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân nên thời điểm vay tiền thì ông V2 và bà L vẫn là vợ chồng hợp pháp nên phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Bà L cho rằng đây là khoản nợ riêng của ông V2 nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Từ đó, có cơ sở xác định việc ông V2, bà L có vay của ông V số tiền vốn 50.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Đối với số tiền lĩnh hụi do ông V2 tham gia không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán nợ chung. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Về lãi suất: Tại hợp đồng tín dụng ngày 27/6/2017 được xác lập giữa Ngân hàng và ông V thể hiện vốn vay 50.000.000 đồng, lãi 9,47%/năm. Ông V và ông V2 đều thừa nhận ông V2 nộp lãi từ ngày vay đến ngày 01/4/2020 thì ngưng nộp và thống nhất áp dụng mức lãi 9,47%/năm từ ngày ông V2 ngưng nộp đến ngày tất toán hợp đồng. Xét thấy, lãi suất 9,47%/năm chỉ áp dụng cho các tổ chức tín dụng không áp dụng cho vay giữa cá nhân với cá nhân. Tuy nhiên, ông V và ông V2 đều thống nhất áp dụng lãi suất 9,47%/năm là thấp hơn mức lãi quy định tại Điều 468 Bộ luật

dân sự 20%/năm là có lợi cho đương sự. Do đó, lãi suất được xác định như sau: Từ ngày 01/4/2020 đến ngày 21/3/2024 là 03 năm 11 tháng 20 ngày x 50.000.000 đồng x 9,47%/năm = 18.804.500 đồng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông V, buộc ông V2 và bà L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông V số tiền vốn 50.000.000 đồng và lãi phát sinh 18.804.500 đồng. Tổng cộng 68.804.500 đồng.

[3] Trường hợp ông V2 và bà L chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V được Toà án chấp nhận nên ông V2 và bà L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Buộc ông Nguyễn Hoàng V2 (H) và bà Huỳnh Hồng L (R) liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn V số tiền 68.804.500 đồng (Sáu mươi tám triệu tám trăm lẻ bốn nghìn năm trăm đồng).

Trong đó, ông Nguyễn Hoàng V2 (H) thanh toán cho ông Nguyễn Văn V số tiền 34.402.250 đồng, bà Huỳnh Hồng L (R) thanh toán cho ông Nguyễn Văn V số tiền 34.402.250 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Huỳnh Hồng L phải chịu số tiền 1.720.000 đồng (làm tròn số).
- Ông Nguyễn Hoàng V2 phải chịu số tiền 1.720.000 đồng (làm tròn số).
- Ông Nguyễn Văn V đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.667.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003030 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, ông V được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như